

# 12.

## Kết luận

*TS. Nolwen Henaff, TS. Jean-Yves Martin*

Thoát khỏi hoàn toàn cảnh nghèo nàn là mục tiêu mà đất nước Việt Nam luôn phấn đấu để đạt được. Việc từng bước đưa các cơ chế thị trường vào quá trình điều tiết hoạt động kinh tế đã giải phóng những lực lượng tạo ra tăng trưởng và làm giàu đất nước. Nhờ xa lánh hiểm họa của nghèo nàn mà thị trường đã giành được tầm cao giá trị của mình. Là cơ sở của năng động kinh tế nên sáng kiến cá nhân được khuyến khích bằng mọi cách và đã lôi cuốn nhiều thành phần, nhiều đối tác tham gia vào các thị trường. Thông qua việc mở rộng phạm vi hoạt động của các thành phần và các đối tác khác, Nhà nước đã từng bước giới hạn phạm vi của mình [Lê Đăng Doanh, 2001]. Kế hoạch hóa tập trung không còn, chế độ bao cấp bị xóa bỏ dần và sự ra đời của một khuôn khổ pháp lý và quy chế đã cơ cấu lại vai trò và vị trí của Nhà nước.

Trong lĩnh vực việc làm, việc cơ cấu lại khu vực Nhà nước và quá trình tan rã của các hợp tác xã đã làm cho lao động ngày càng linh hoạt; thị trường lao động xuất hiện trong quá trình phát triển của khu vực tư nhân gia đình và tư bản trong và ngoài nước, cơ cấu của thị trường này từng bước được hình thành. Đối mới đã áp đặt mối quan hệ hợp đồng giữa người chủ sử dụng lao

động và người lao động, kể cả trong khu vực Nhà nước. Trong lĩnh vực giáo dục, chế độ đóng góp học phí và sự xuất hiện của nhiều thành phần, khu vực ngoài quốc doanh, từ nay khu vực ngoài quốc doanh được tham gia vào lĩnh vực giáo dục và đào tạo, đang góp phần làm cho thị trường giáo dục hình thành.

Đứng trước các lực lượng được giải phóng của thị trường, việc khẳng định lại định hướng xã hội chủ nghĩa của các chiến lược do Nhà nước thực hiện đã làm cho vai trò thúc đẩy và chỉ đạo của Nhà nước chuyển thành vai trò người đảm bảo và trọng tài. Từ nay, chính bộ Luật Lao động phải điều tiết các mối quan hệ lao động. Việc áp dụng bộ Luật Lao động trong tất cả các khu vực của nền kinh tế vẫn còn xa với thực tế, nhưng Nhà nước đang cố gắng tạo sức mạnh cho luật. Về mặt giáo dục, Nhà nước vẫn còn là một đảm bảo để giáo dục là của toàn dân. Nhà nước duy trì giáo dục tiểu học miễn phí và tư nhân không được tham gia, và đặc biệt chăm lo tạo thuận lợi cho việc đi học của các vùng, địa bàn chịu nhiều thiệt thòi.

“Các thành tựu [...] của Việt Nam về mặt tăng trưởng không những không tương xứng với một đoàn tàu cải cách chính thống trên cơ sở củng cố quyền sở hữu, ổn định kinh tế vĩ mô, sửa đổi hệ thống thuế và tự do hóa thương mại mà còn cả với một mô hình phát triển cụ thể khác với các chiến lược của các nước đang nổi lên ở Đông Nam Á” [Weigel, 1997: 23]. Việc không còn kế hoạch hóa tập trung không có nghĩa là từ bỏ công tác kế hoạch hóa. Các cơ chế thị trường ngăn ngừa mọi khả năng chỉ huy trực tiếp, nhưng đòi hỏi, do không chắc chắn, công tác lập kế hoạch mang tính định hướng cho phép dự kiến trước những diễn biến có thể làm mất các quan hệ cân đối mà ta mong muốn đạt được. Trong cách lựa chọn phát triển, nội dung của các quan hệ cân đối hài hòa là tìm cách dung hòa tính năng động kinh tế và công tác phân phối các thành quả của tăng trưởng một cách bình đẳng.

Tăng trưởng đã cho phép giảm nghèo nàn, nhưng tăng trưởng cũng làm nảy sinh tình trạng khác biệt ngày càng tăng trong xã hội Việt Nam. Thiếu việc làm và thất nghiệp xuất hiện cùng với thị trường lao động, tính bất bình trong vị thế của lao động của một đại đa số người lao động Việt Nam, và tình trạng thu nhập chênh lệch ngày càng tăng đã xuất hiện. Thất nghiệp trên tổng thể còn ở mức thấp, đặc biệt ở nông thôn nhưng là mối đe dọa thực sự tính ổn định của xã hội. Tình trạng thiếu việc làm rất phổ biến ở vùng nông thôn, dù rằng, không phải là của riêng gì vùng nông thôn. Tình trạng thiếu việc làm trên thể hiện thông qua các hành vi đa dạng hóa trong các hoạt động kinh tế, năng động bắt nguồn từ những hoạt động kinh tế nhưng hoạt động kinh tế đồng thời cũng là một yếu tố gây mất ổn định có thể gây trở ngại cho quá trình tăng trưởng.

Tình trạng mất việc làm hàng loạt do tổ chức lại nền kinh tế và sự xuất hiện của những người chủ sử dụng lao động mới làm cho lao động dễ trở nên bất bình. Số lượng các hợp đồng lao động ngắn hạn tăng, lại không phải là hợp đồng bằng văn bản và hình thức thuê phụ, giao-nhận gia công phát triển đã làm tăng lên một cách đáng lo ngại số lao động mà việc làm và thu nhập của họ lệ thuộc vào những thay đổi của bối cảnh kinh tế. Những thay đổi này có tác động mạnh mẽ tới việc xác định thu nhập, xác định họ là người làm công ăn lương hay không làm công ăn lương, làm tăng khoảng cách giữa người lao động được hưởng các chế độ và người lao động bất bình, tùy thuộc vào quyền thương lượng về mặt thu nhập, và tùy theo những người lao động này thuộc đối tượng áp dụng bộ Luật Lao động một cách thực tế hay lý thuyết, hay nằm ngoài diện áp dụng của bộ Luật.

Tính năng động học đường đã được phục hồi sau khi các định hướng mới của Nhà nước đầu những năm 90 làm rung chuyển và cơ cấu lại hệ thống này. Ngày nay, việc duy trì một cơ cấu

binh đẳng không còn được bảo đảm. Các thể thức phân trách nhiệm tài chính mới giữa Nhà nước và gia đình làm cho vấn đề đi học và duy trì việc đi học ngày càng trở nên bấp bênh hơn, ngay cả ở cấp tiểu học, đối với các gia đình túng thiếu nhất. Ngoài ra, sự phát triển của các chương trình đào tạo dài ngày, nhất là ở cấp trung học phổ thông và giáo dục đại học/cao đẳng cho thấy nguyện vọng về mặt giáo dục-đào tạo của các gia đình đã được giải phóng và phản ánh những thay đổi trên thị trường lao động; sự phát triển này đã mang tính khả thi nhờ có cung tư nhân xuất hiện bổ sung cho cung của Nhà nước. Như vậy, ngay cả việc tiếp cận với hệ thống giáo dục và tuổi thọ của hệ thống này ngày càng phụ thuộc vào khả năng chu cấp tài chính của các gia đình. Cung mới thể hiện chủ yếu ở thành thị, và góp phần làm cho khoảng cách giữa thành thị và nông thôn ngày càng lớn.

Ý tưởng bình đẳng là ý tưởng của hệ thống trước thời kỳ đổi mới. Mối quan hệ cân đối hình thành trong lĩnh vực lao động cũng như giáo dục đã chịu tác động của chính các cơ chế sản xuất bất bình đẳng của bản thân thị trường. Trong bối cảnh đó, việc duy trì định hướng xã hội chủ nghĩa là việc tìm tòi ra bình đẳng để bù đắp cho quan hệ bình đẳng mà Nhà nước không còn có điều kiện đảm bảo, và ngày nay quan hệ bình đẳng đó không còn là cách tốt nhất để đảm bảo cho phát triển. Do vậy, mối quan tâm chăm lo nâng cao cuộc sống sung túc của tập thể chuyển sang công tác sửa chữa các bất bình đẳng thông qua việc phân phối lại thu nhập và thông qua những chương trình can thiệp tập trung vào các nhóm và những địa phương chịu nhiều thiệt thòi nhất.

Đặc biệt, các bất bình đẳng thể hiện một cách hết sức sâu sắc trong lĩnh vực bảo trợ xã hội và y tế, các lĩnh vực này tác động trực tiếp tới giáo dục và lao động: trong nửa đầu của những năm 90, ta có cảm giác rằng Nhà nước đã lùi bước và việc các dịch

vụ cơ bản biến thành hàng hóa đã làm sụp đổ hệ thống bảo trợ xã hội. Tuy nhiên, nếu như các tổn tại còn nhiều và các bất bình đẳng trong lĩnh vực này còn lớn, thì rõ ràng Nhà nước sẽ đứng ra đảm nhiệm hoàn toàn vai trò của mình trong lĩnh vực này và, trong hoàn cảnh có thể, mở rộng diện, nhờ đó duy trì quan hệ gắn bó chiến lược của kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa. Yếu tố phân phối lại là nội dung cốt lõi của chủ nghĩa xã hội.

Việc làm cho hài hòa giữa chiến lược tăng trưởng dựa trên cơ sở khuyến khích phát triển sáng kiến cá nhân và việc mở rộng hệ thống phân phối lại mà các nước nghèo không có điều kiện để thực thi quả là một công việc khó khăn. Cho tới nay, mặc dù Đại hội Đảng gần đây nhất đã có những phát biểu mang tính chiến lược và chính trị, bảo trợ xã hội vẫn chưa được ưu tiên bằng tăng trưởng. Đồng thời, việc phân cấp, bằng cách tăng thêm tính tự lập, tăng thêm quyền hạn cho các tỉnh đã làm tăng thêm tình trạng mất cân đối và về nguyên tắc đã cho phép các tỉnh có thu nhập cao giành nhiều nguồn lực hơn so với các tỉnh khác cho công tác giảm nghèo và bảo trợ xã hội. Hiện nay, có những tỉnh rất giàu và cũng có những tỉnh rất nghèo. Do vậy, việc lựa chọn các chiến lược phát triển của Nhà nước Trung ương cần quan tâm tới khả năng của các tỉnh để đưa các tỉnh thực hiện theo những định hướng mà Nhà nước không nhất thiết phải làm chủ hoàn toàn.

Những cách biệt giữa các tỉnh là do tính giàu nghèo tương đối, do mức độ thuận lợi về địa lý, do nguồn việc làm nhiều hay ít và do chất lượng việc làm đã tạo ra những tác động khác nhau về mức độ thu hút đầu tư tư nhân, trong nước và nước ngoài. Lực lượng sản xuất của đất nước có đặc trưng là rất không đồng nhất về tuổi đời, nguồn gốc và trình độ công nghệ. Việc bắt kịp trình độ công nghệ ngay ở trong nước và tiến kịp trình độ công nghệ của các nước láng giềng là một trong những ưu tiên của chiến

lược phát triển của Việt Nam. Tới đây, vấn đề đặt ra là sự lựa chọn giữa phát triển dựa trên các công nghệ sử dụng nhiều lao động, về ngắn hạn, các công nghệ này sẽ có thể cho phép giảm sức ép về việc làm bằng cách sử dụng lao động ít được đào tạo và trả lương thấp, và phát triển dựa trên các công nghệ tinh vi hơn, nhất là trong lĩnh vực tin học, chỉ khả thi về mặt trung hạn do đòi hỏi phải đầu tư, cả về thiết bị và đào tạo, và có thể sẽ làm tăng mức tiền công.

Việc thoát khỏi nghèo nàn vẫn còn rất mới mẻ, bấp bênh và chưa toàn diện. Phạm vi lựa chọn chiến lược bị thu hẹp do tích lũy thấp. Yếu tố ngắn hạn vẫn còn là yếu tố không thể cưỡng nổi. Từ 20 năm nay, nhờ công tác kế hoạch hóa gia đình, tỷ lệ tăng dân số đã giảm đi đều đặn nhưng vẫn còn cao do quy mô dân số và phân bố dân số về mặt địa lý trên phạm vi toàn quốc. Sức ép việc làm vẫn là một yếu tố hạn chế rất lớn trong khi lao động, được giáo dục tốt nhưng lại ít được đào tạo, ngày nay phụ thuộc chủ yếu vào thu nhập từ lao động của mình. Cuối cùng, ý định giành ưu tiên cho đầu tư vào những ngành sử dụng nhiều lao động càng mạnh mẽ hơn vì trình độ học vấn cao và chi phí lao động thấp so với những nước cùng trình độ phát triển là một trong những hấp dẫn chủ yếu của Việt Nam đối với các nhà đầu tư nước ngoài. Việt Nam cũng đặt nhiều hy vọng to lớn vào ưu thế tương đối này nhằm hưởng thụ những việc làm tạo ra ở nước ngoài và thu về nhiều ngoại tệ. Như vậy, về mặt tính cạnh tranh quốc tế, giành ưu tiên cho những ngành sử dụng nhiều lao động, có thể cũng tỏ ra là hợp lý.

Mặt khác, do không quan tâm một cách đúng mức tới các công nghệ mới, Việt Nam có thể tự tước bỏ mọi khả năng tiến kịp. Đây là một thử thách mà Việt Nam sẵn sàng vượt qua. Đối với Việt Nam, đầu tư cho kiến thức là một truyền thống lâu đời. Và tri thức đã là một thách thức lớn của thế kỷ XXI. Các nhà

lãnh đạo Việt Nam nhận thức được vấn đề này một cách đầy đủ và đã đưa vấn đề phát triển các công nghệ hiện đại trở thành một trong những ưu tiên trong vòng 10 năm tới. Tuy nhiên, các điều kiện đầy đủ cần có để thực hiện nội dung thứ hai này của chiến lược phát triển không có sẵn ngay tức thì. Trước mắt, do không thể thu hút các nguồn vốn đầu tư cần thiết một cách đáng tin cậy, công tác đào tạo được quan tâm chú ý noi theo gương lựa chọn của Xingapo cách đây 20 năm.

Trong khi Việt Nam kiên trì sự nghiệp giành độc lập thì quá trình mở cửa, hội nhập khu vực và quốc tế lại đặt ra mối quan hệ lệ thuộc lẫn nhau ngày càng lớn. Lựa chọn chiến lược phát triển và khả năng thực hiện các chiến lược đó của đất nước sẽ quyết định vị trí của Việt Nam trên trường quốc tế. Mười lăm năm thực hiện đổi mới mở ra một trang mới trong lịch sử của Việt Nam. Trong quá khứ, Việt Nam đã đương đầu với những vấn đề đặc trưng, các vấn đề này ngày càng dệu đi thì những vấn đề gắn liền với phát triển ngày càng trở nên quan trọng hơn, đặt đất nước trước những vấn đề mà đa số các nước nghèo phải giải quyết, và vào một vị thế bình thường hơn. Đồng thời, do cách lựa chọn của mình, Việt Nam đang phải đương đầu với những vấn đề đặt ra đối với các nước tiến hành công nghiệp hóa, vì vậy, Việt Nam cần quan niệm những vấn đề này một cách bình thường hơn. Tương lai của kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa phụ thuộc vào khả năng thực hiện chiến lược mà đất nước đã lựa chọn trong khuôn khổ đã xác định [Lê Đăng Doanh, 2001].

### **Tài liệu tham khảo**

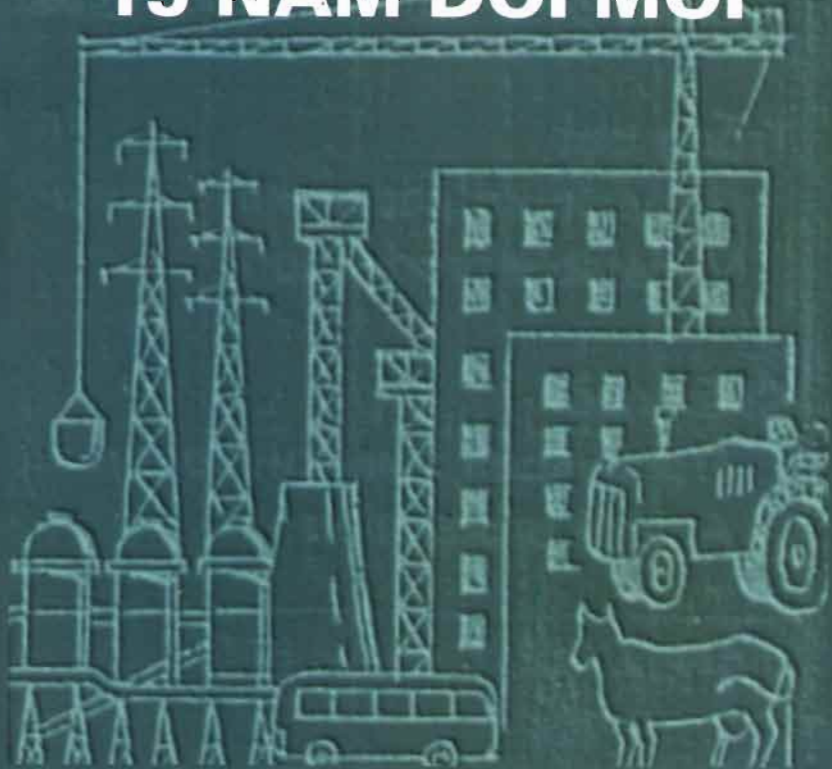
Đảng Cộng sản Việt Nam, “Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương trình Đại hội toàn quốc lần thứ IX của Đảng Cộng sản Việt Nam”, <http://Vietnamnews.vnagency.com.vn/2001-04/20>. tháng 4 năm 2001.

- Lê Đăng Doanh [2001], "Hiện trạng của kinh tế Việt Nam sau 10 năm thực hiện đường lối đổi mới", *Alternatives Sud*, Tập. VIII (2001) 1: tr.143-160, CETRI/L'Harmattan.
- Weigel J.-Y. [1997], "The Quest for the 'Socialist Market Economy' in China and Vietnam", in Weigel J.-Y. (Coord.), "La double transition du socialisme et du sous-développement en Chine et au Vietnam: vers le 'socialisme de marché' ?", *Mondes en développement*, tập 25 - 1997 no 99, từ tr. 9-25.



Biên tập khoa học:  
Nolwen HENAFF Jean-Yves MARTIN

# LAO ĐỘNG, VIỆC LÀM VÀ NGUỒN NHÂN LỰC Ở VIỆT NAM 15 NĂM ĐỔI MỚI



**IRD**  
Institut de recherche  
pour le développement

**LAO ĐỘNG, VIỆC LÀM  
VÀ NGUỒN NHÂN LỰC Ở VIỆT NAM  
15 NĂM ĐỔI MỚI**

Biên tập khoa học:

**Nolwen Henaff    Jean-Yves Martin**

**NHÀ XUẤT BẢN THẾ GIỚI  
HÀ NỘI - 2001**

Nhà xuất bản Thế Giới, 2001  
In tại Việt Nam  
VN-TG-61601-0